

## BẢN LUẬN QUYỂN 45

Năm môn trước trong mười lăm môn đã giải thích xong.

Dưới đây nói về Tu Bốn y, chia làm ba:

- 1) Nói chánh tu bốn y
- 2) Nói sơ lược hiện bốn lượng
- 3) Nói về công năng tu .

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói “Về thứ lớp bốn Y, kinh, luận nói không đồng. Đại khái có năm thứ:

### ***I. Quán nhập thứ lớp, như Thành luận nói:***

- 1) Y theo pháp, không y theo người
- 2) Y theo liễu nghĩa, không y theo không liễu nghĩa
- 3) Y theo nghĩa, không y theo ngữ
- 4) Y theo trí, không y theo thức.

Đây là y cứ Văn, Tư, tu v.v... để quán nhập thứ lớp: Đầu tiên là dựa vào pháp, không dựa vào người; theo Kinh liễu nghĩa, không theo Kinh không liễu nghĩa, phân biệt chẳng phải lấy là Tập thành Văn tuệ. Thứ ba, y nghĩa, không y ngữ, là phân biệt chẳng phải lấy là Tập thành Tu tuệ; Thứ tư dựa vào pháp trí hạnh của các Hiền, Thánh tập thành Tu tuệ.

### ***II. Từ gốc, Khởi tác dụng của ngọn theo thứ lớp, như Kinh Niết-bàn nói:***

- 1) Y theo pháp, không y theo người, là Thể của lý Chân như.
- 2) Y nghĩa, không y ngữ: Nghĩa là quả Phật, cái gọi là Bát-nhã, giải thoát, Pháp thân. Vì dựa vào lý để thành đức, nên theo thứ lớp để luận.
- 3) Y trí, không y thức: Trí là Phật trí, tức là Dụng. Vì vẫn dựa vào đức Khởi tác dụng, nên theo thứ lớp, để luận.
- 4) Y Kinh liễu nghĩa, không y kinh không liễu nghĩa: Vì dựa vào trí, Khởi thuyết, nên về sau mới nói.

### ***III. Nêu quả, tìm nhân, để nói về thứ lớp, Cũng như Kinh Niết-bàn nói:***

- “1) Dựa vào nghĩa, đó là Bát-nhã, giải thoát, pháp thân. Đây là Đức Phật của cho nên nói trước.
- 2) Nương tựa pháp, không nương tựa con người: Pháp là lý Chân như, quả dựa vào lý thành, nên nói kế đó.
- 3) Dựa vào trí, không dựa vào thức: Trí là nhân liễu. Do trí làm sáng tỏ cho Như, nên nói kế là.

4) Y Kinh liễu nghĩa, không y kinh không liễu nghĩa. dựa vào Kinh giáo liễu nghĩa, tu tập dần, nên mới thành tựu trí chứng lý, vì thế nói kể đó.

**IV. Theo thứ lớp, nêu sâu để tìm cạn. Như Phẩm Pháp Cúng Đường của Kinh Duy-ma đã nói:**

1) Y nghĩa. Nghĩa là “hai không” đã nêu rõ Chân như.

2) Y trí. Trí là chứng trí. Vì dựa vào lý mới khởi, nên nói kể đó.

3) Y Kinh liễu nghĩa, Kinh là giải thích nghĩa. Nghĩa đã nói trước, do giải thích, nên nói kể đó.

4) Y pháp. Pháp là Pháp hạnh của Địa tiền. Nương tựa pháp hạnh để tu tập, mới được Trí chứng lý.

**V. Nương tựa đạo lý của nghĩa, Khởi tu thứ lớp, như kinh đây nói:**

1) Y nghĩa, không y ngữ, tức dùng cả nghĩa giáo để giải thích dưới để làm chỗ nương tựa, không dựa vào lời nói. Dù rằng nương tựa nghĩa, nhưng nếu pháp không trái với bốn đạo lý kia, mới đáng được nương tựa. Cho nên, kể là, nói về chủ thể nương tựa.

2) Pháp. Pháp là bốn thứ pháp của đạo lý, hai thứ trên đây dựa vào đạo lý của nghĩa để nói về thứ lớp, hai thứ sau, là khởi tu thứ lớp.

3) Y Kinh liễu nghĩa, không y kinh không liễu nghĩa, tức giải thích giáo pháp ba tánh là Kinh liễu nghĩa. Giáo pháp không liễu khác, không đáng nương tựa. Do dựa vào giáo liễu nghĩa, nên tu thành chứng trí. Cho nên, thứ tư, là nói về y trí, không y văn, tư. Pháp sư Khuy Cơ nói “Theo thứ lớp các Kinh, luận không đồng. Như Kinh Niết-bàn thì từ quả, tìm nhân, để nói thứ lớp. Nghĩa là Chân như là quả, có thể dựa vào quả Chân, không thể dựa vào người, tức “duyên” trí như gọi là nghĩa, có thể dựa vào nghĩa này, không thể dựa vào ngữ, tức nhân trí này khởi hậu đắc nói pháp.

Có thể dựa vào trí này, không thể dựa vào thức: Đã nghe pháp xong, có thể y liễu nghĩa, không thể y không liễu nghĩa. Lại bỏ đi sự tìm kiếm từ nhân đến quả, tức do pháp được chứng Trí Chân như. tức là nghĩa nhân, vì Chân như tức là quả có thể y liễu nghĩa, tức trước quán nhân, sau mới quán trí, không dựa vào thức. Hợp năm lớp này không thể ghi nhận phiền phức. Nay, văn này là lớp thứ ba.

Luận sư Trắc nói “Hai thứ trước trong Bốn y này, là nói về thứ lớp của pháp Nhiếp. Vì nghĩa có thể thành hạnh, nên trước y nghĩa là đúng lý. Nghĩa vì nhờ giải thích rõ ràng, nên tiếp theo là nương tựa pháp, pháp là giáo. Hai thứ sau, nói về Khởi tu thứ lớp. Dựa vào giáo pháp

trước để tu tập, hiểu biết cho đúng.

Dựa vào Kinh liễu nghĩa, dựa vào nghĩa lý, để tu tập, khởi công hạnh.

4) Nói về y trí ám thuyết, là đại thuyết, Luận sư Trắc nói “thuyết mà Ngoại đạo Thắng luận v.v... nói, gọi là ám thuyết; thuyết mà Chư Phật nói là Đại thuyết. Chánh tuệ hiểu rõ thuyết này rồi, dùng Thánh pháp của đạo lý làm chỗ nương tựa, không đồng với Luận Trang Nghiêm chỉ dùng giáo pháp làm y chỉ.

Đối với nghĩa chân thật, nghĩa là đối với bốn thứ, pháp Tỳ-nại-da của lý Chân thật. Ở đây có hai giải thích:

1) “Pháp là hai Tạng. Tỳ-nại-da, tức là Tạng Tỳ-nại-da.”

2) “Pháp là ba Tạng, tức là tác dụng diệt ác của ba tạng, gọi là chung là Tỳ-nại-da.”

Về nghĩa bản tánh. Pháp sư Cơ nói “Tức bản thể của các pháp, ý nói thức có tám thứ, là bản tánh của Thức. Tiểu thừa vì không liễu nghĩa, không nói, vì thế nói về bản tánh, cũng không thể hiểu rõ.”

Luận sư Trắc nói “Dựa vào tất cả các thứ môn khác, nhằm nói về tánh Tận sở hữu, Tánh Như sở hữu, nên nói rằng “Dựa vào các môn để nói về nghĩa bản sinh.”

Trong y trí, không y thức, Pháp sư Cơ nói “Văn, Tư, là Trí, vì sao không nương tựa?”

Nghĩa rằng “Dù là trí, nhưng là trí tán, vì chưa viên mãn, nên không đáng nương tựa.”

“Nếu vậy, thì thế gian lẽ ra chẳng đáng nương tựa?”

Nghĩa rằng “Cũng không đáng nương tựa. Vả lại, do ba Tuệ đối nhau, nay không nương tựa, nghĩa là luận chỉ nói Văn, Tư tuệ còn trong Tu tuệ kia cũng có không nương tựa.”

Trong chỉ bày rõ bốn lượng, Luận sư Cảnh nói “Nghĩa đã nói tức là y nghĩa. Chánh lý, tức là y pháp. Đấng Đại Sư, tức là dựa vào Kinh liễu nghĩa mà Đức Đại sư đã nói.”

Tuệ do tu thành, tức là y trí.

Trong nói về Vô ngại, Luận sư Cảnh nói “Bốn đều dùng trí như lượng làm thể, tất cả môn khác trong Pháp Vô ngại, nghĩa là danh, vi, cú, giáo, vì có nhiều thứ khác nhau, nên gọi là tất cả môn khác.”

Tánh Tận sở hữu, nghĩa là giáo giải thích về Tục đế, như tất cả tánh, nghĩa là giáo giải thích Chân đế. Cũng có thể y cứ ngay trong Tục đế, nhằm giải thích chung về Tục đế, gọi là Tận sở hữu.

Giải thích riêng, mỗi thứ khác nhau của pháp thế Tục đều có

hiều môn nghĩa, gọi là Tánh như sở hữu. Tới (ngay như) trực tiếp giải thích chung về Chân như, gọi là Tận sở hữu; giải thích riêng về Chân như thì gọi là la nghĩa không có sinh, không có diệt, Pháp giới, Thực tế v.v... gọi là Như sở hữu.

Nói là mỗi thứ bất đồng của nghĩa đã giải thích trong nghĩa Vô ngại, gọi là tất cả tướng khác. Nghĩa khác đồng với trước đều nói là dựa vào tu mà thành, nên biết chỉ lấy Tu tuệ.

Giải thích về Từ Vô ngại, là biết rành rẽ về phương ngôn, giải thích bất đồng. Trong Biện Vô ngại, đối với tất cả phẩm riêng của tất cả pháp, căn cơ bị đối trị và chủ thể khởi nghiệp sai khác, vì chẳng phải một, nên gọi là phẩm riêng. Hoặc căn cơ, hoặc nghiệp, đều có tánh Tận sở hữu, tánh Như sở hữu, phân biệt rất dễ hiểu.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Pháp do giáo “năng thuyết”. Tuệ “năng thuyên” là Thể của Pháp Vô ngại. Nghĩa Vô ngại giải kia tức là nghĩa dưới của pháp trước, cho nên, có lời nói môn khác trong nghĩa của đối tượng giải thích, có bàn bạc riêng của tướng khác trong nghĩa của đối tượng giải thích, tức đối với chủ thể giải thích được trí, gọi là Pháp Vô ngại; đối với đối tượng giải thích được tự tại, gọi là nghĩa Vô ngại. Như Tạp Tập quyển mười bốn nói “Pháp Vô ngại đối với tất cả, gọi là sai khác, nghĩa là dựa vào Vô minh v.v... đối với không có trí, không có Kiến, không hiện quán v.v... sai khác, gọi là Trung Vô ngại trí.

Các tướng của nghĩa Vô ngại và ý thú, tướng là tự tướng cộng tướng. Ý thú, là nghĩa riêng.

Từ Vô ngại, ở đây chỉ có ngôn từ giải thích pháp, như Tạp Tập cũng nói rằng, đối với các âm của phương ngôn, rằng từ tư tưởng, âm từ của chúng sinh trong Vô lượng, nước, áp. Giải thích rõ về ngôn, từ của các luận, nghĩa là có thể phá, gọi là thế gian v.v... Dùng một âm để giảng nói, tùy từng loại chúng sinh, mỗi chúng sinh đều được hiểu bằng mỗi thứ tiếng nói. Biện Vô ngại kia, ở đây chỉ nói đối với tất cả phẩm riêng của tất cả pháp. Như tất cả phẩm riêng của Tạp Tập. Nghĩa là các thứ từ biện sai khác: có thật, có giả, có thế Tục, Thắng Nghĩa v.v... Luận sư Trắc nói “Theo Luận Trang Nghiêm quyển mười nói có bốn môn sai khác, với kệ rằng “Ở tướng môn, nói là trí.”

Giải thích “1) Trí biết môn rất dễ hiểu sự khác nhau của môn danh đã có trong nghĩa.”

2) “Trí biết về tướng, rất dễ hiểu được nghĩa này thuộc về danh này.”

3) “Trí biết lời nói: rất dễ hiểu lập ngôn âm khác.”

4) “Trí biết được Trí, rất dễ hiểu mình có thể nói pháp. Cho đến dưới đây nói rằng “Nêu pháp nghĩa là lấy môn. Giải thích về pháp, nghĩa là lấy tướng, khiến người khác hiểu, nghĩa là dùng lời nói. Tránh khỏi nạn, nghĩa là dùng trí. Nói rộng như Luận Trang Nghiêm kia.

Nói về Tư lương của Bồ-đề. Nếu theo Luận Trang Nghiêm thì hai nhóm gồm sáu môn sáu Độ, bài kệ chép:

*Hai đầu là thể phước  
Thứ sáu tức là trí  
Ba khác, nhân hai nhóm  
Năm cũng thành nhóm trí*

Y cứ trong giải thích dưới đây:

Ba khác, nghĩa là Nhẫn, Tinh Tấn, Thiên, làm nhân chung cho hai nhóm phước, trí.

Năm cũng thành nhóm trí, nghĩa là về sau, do Bát-nhã có thể hồi hướng, nên các Ba-la-mật đều thành nhóm trí. Về môn khác, nói rộng như luận Trang Nghiêm kia.

Trong nói về ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, trước là nêu nhắc lại trước sinh, sau, chia ra hai chương. Sau, là giải thích theo thứ lớp.

Trong phần trước, nói là hai thứ pháp Bồ-đề phần của Đại thừa, Thanh văn, gọi là lý thú của Nhị thừa. Bồ-tát biết rõ như thật về Niết-bàn của Thanh văn. Vì muốn khuất phục Thanh văn có trí Nhất thiết chủng, nên trong trí đó không lấy tác chứng, vì lý thú của Đại thừa khác với Thanh văn.

Luận sư Trắc nói “Các Bồ-tát biết rõ như thật về tự tánh ly ngôn, là “có”, “không”, nhưng vì không chấp nghiêng lệch, nên nói “mà không tác chứng.” Dưới đây, trong giải thích về hai chương, pháp Bồ-đề phần của Thanh văn, chỉ như Địa Thanh văn.

Giải thích chương thứ hai, văn chia làm hai:

1) Đến với hai quán Chân, Tục của ba tánh, để nói về phẩm đạo.

2) Y cứ ở quán bốn Đế an lập, phi an lập, nhằm nói về phẩm Đạo.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói “không phân biệt ở thân, nghĩa là ở trên thân của nhân duyên khác kia, nói là phân biệt quyết định có tánh, tức là lìa chấp tăng ích của Biến kế. Nói “Cũng không phân biệt tất cả chủng loại đều không có tánh, nghĩa là với tánh quyết định của Biến kế sở chấp, dù thân kia không có, nhưng về pháp nhân duyên của thân thì không được nói là chẳng có, cho nên nói “Cũng không phân biệt tất cả đều không có tánh, thì lìa chấp tổn giảm.”

Lại, đối với thân kia, cho đến biết rõ như thật, đây là biết rõ như thật về pháp y tha, pháp của thân và Chân như Viên Thành thật tánh.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Không phân biệt có tánh, không bị Biến kế chấp phân biệt có thân, không phân biệt vô tánh, nghĩa là không phân biệt hai tánh y tha, Viên thành là không. Lại, thân kia xa lìa pháp tánh v.v... của tự tánh ngôn thuyết, đây là giải thích lại Viên thành thật không Khởi ngôn thuyết phân biệt, chân như là không thể nói là, tự tánh, Pháp tánh. Nếu theo đoạn văn dưới đây “Như thế, Bồ-tát đối với pháp, thân v.v... không phân biệt tồn tại v.v...”, tức là cũng không phân biệt tất cả chủng loại đều không có tánh, tự tánh, pháp tánh, tức là Viên thành thật.”

Nay, lìa ngôn thuyết, ngôn thuyết không tương xứng, không đồng với y tha, nên đoạn văn dưới đây nói “Là pháp tánh của Bốn đế. Pháp tánh tức là Chân như, tức là không phân biệt tất cả chủng loại đều không có tánh là y tha. Xa lìa pháp tự tánh của ngôn thuyết là Viên thành thật.”

Kế là, y cứ ở môn bốn Đế an lập, phi an lập, để luận về phẩm Đạo của hai quán Chân, Tục.

Đầu tiên nói rằng “Đối với các pháp, như thân v.v... không phân biệt khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nghĩa là hướng đến Chân như quán trong trí gia hạnh, dù tìm kiếm bốn Đế mà vẫn không phân biệt, gọi là Thắng Nghĩa quán.

Nói “Lại, tức là đối với Pháp tánh xa lìa tự tánh ngôn thuyết này, cho đến biết rõ như thật, nghĩa là quán bốn Đế, như chánh thể trí quán phi an lập, phải biết gọi là dựa vào lý thú Thắng Nghĩa để tu phần Bồ-đề v.v... là kết hai lượt giải thích trước, gọi là Thắng Nghĩa quán phi an lập.

“Nếu các Bồ-tát thuận theo Vô lượng...” trở xuống, là quán riêng tám khổ là khổ đế, ái là Tập đế, cho đến tám chi Thánh đạo gọi là Đạo đế v.v... tức là an lập Hậu trí quán môn Thế tục.

Trong phần nói về tu chỉ, quán, gồm có:

1) Nêu chung hai môn. Nói không có đối tượng phân biệt, phải biết gọi là chỉ, nghĩa là một duyên tĩnh lự, lìa các phân biệt, phải biết rằng gọi là Chỉ.

2) Nói về hai trí Chân, Tục, gọi là Quán.

3) Nói riêng phẩm loại sai khác.

Nói “một công hạnh trước của Thắng Nghĩa Thế Tục trí”, Luận sư Cảnh nói “Trước hết Khởi định, dựa vào định tu trí, gọi là công hạnh

trước của trí (Tiền hành trí); cũng có thể trước Khởi trí, dựa vào trí để tu định, nên gọi là Trí tiền hành.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Tức là tiền phương tiện định của trí Hậu đắc, Trí vô phân biệt, tức định đồng với trí gia hạnh.”

Hỏi “Vì sao được biết trí Thế Tục trong đây là trí Hậu đắc?”

Nghĩa là “Vì trong phần nêu chung môn trước có hai trí:

1) Như thật chân quán.

2) An lập trí mẫu nhiệm Thế Tục, nên biết trí Thế Tục trong đây là trí Hậu đắc.

Quả của hai trí Thắng Nghĩa và Thế Tục. Luận sư Cảnh nói “Nếu dựa vào định để tu trí thì trí là quả của định. Hoặc y trí tu định, thì định là quả của trí.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Tức định đồng thời với Chánh trí, trí Hậu đắc là quả của định gia hạnh trước, nên Thế của định đồng thời của hai trí chính là quả.”

Lại giải thích “Tức là định Đẳng lưu đã được sinh sau hai trí, nên nói là quả của Thắng nghĩa, Thế Tục, tức là quả của hai Trí.”

Hỏi “Sao không nói định đều cùng lúc của hai Trí?”

Nghĩa là “Định thứ ba, thứ tư dưới đây tức là định đồng thời hai hai Trí.”

3) Khấp tất cả đối với hí luận, chuyển biết vô công dụng. Luận sư Cảnh nói “Nói về lia ác.” Pháp sư Thái nói “Là trí thế Tục.” Pháp sư Khuy Cơ nói “Chuyển là chuyển diệt. Nghĩa là chánh trí phổ cập trong tướng của tất cả hí luận, đều có thể chuyển diệt.”

“Nếu là quả của hai trí đã giải thích như trước, đây là nói nghiệp dụng của định đồng thời của Chánh trí. Nếu như trí Hậu đắc, thì chính thức nói về định đồng thời của Chánh trí.”

4) Tức là đối với ly ngôn như thế, chỉ có sự cho đến một vị thật tánh. Luận sư Cảnh nói “Nói về định của phân biệt trí chính thức của Chân như.”

Pháp sư Thái nói “Tìm kiếm tánh phân biệt ngôn thuyết trong Thế Tục như thế không thể được, vì ở ly ngôn, chỉ sự y tha tánh, tâm người kia vắng lặng là Chân trí.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Nói là Chánh trí quán y tha vì không phân biệt có tánh nên nhập nghĩa một vị Chân như. Nếu theo giải thích trước thì nói là hai lớp nói về nghiệp dụng của hai Trí. Nếu theo giải thích sau, tức là nói lại nghiệp dụng của hai Trí.”

Nói về Thế. Nay ở đây, nói về công dụng của nghiệp:

Nếu y cứ ở địa vị thì,

- 1) Ở trong đạo gia hạnh Địa tiên.
- 2) Nhập Địa trở đi, cho đến Thất Địa trở xuống.
- 3) Ở Bát Địa trở lên, cho đến Cửu Địa.
- 4) Mười Địa là chỉ nhập ở Phật địa.

“Đại khái có bốn hạnh, phải biết gọi là Quán”, trở xuống, là văn. Luận sư Cảnh nói “Nói là công hạnh trước của đạo bốn Hạnh chỉ”, đây là câu thứ nhất, nói về dựa vào bốn thứ hạnh chỉ để tu quán, gọi là hạnh trước của đạo chỉ. Cũng có thể dựa vào quán để tu bốn thứ hạnh chỉ trước, gọi là hạnh trước của công hạnh chỉ.”

“Đối với tất cả pháp, xa lìa tăng ích, chấp biên bất chính”, đây là câu thứ hai, biết Biến kế chấp không có tướng.

“Xa lìa biên chấp bất chính tổn giảm”, đây là câu thứ ba, biết rõ Viên thành là có. Và “với thuận theo vô lượng các pháp sai khác v.v... đây là câu thứ tư, nói về quán sai khác của pháp nhân duyên y tha.”

Pháp sư Thái nói “Nói là tức hạnh trước của Đạo hạnh chỉ, nghĩa là phương tiện trước của đạo bốn chỉ, vì tư duy, suy lường, quán sát, nên gọi là bốn quán. Từ sau bốn quán, nhậm vận mà chuyển, không tác ý tư duy, so lường, tức gọi là bốn chỉ. Pháp sư Khuy Cơ nói “tức hạnh trước của Đạo chỉ của bốn Hạnh là thứ nhất, tức trí gia hạnh. Trí của hạnh trước trong bốn chỉ trước có văn, tư hữu lậu. Vả, nói về trí của bốn hạnh chỉ, thật ra, quán đồng thời với chỉ thứ nhất là Trí gia hạnh, cũng thuộc về chỉ thứ nhất này, lìa chấp tăng ích thứ hai, lìa chấp tổn giảm thứ ba.”

Hai, tức là Trí vô phân biệt lìa hai lỗi. Và, với thuận theo cho đến an lập lý thú là trí Hậu đắc thứ tư.

Bốn trí này ở mỗi Địa đều có, nên phối hợp riêng, thì hơi khó. Dưới đây, phần thứ ba, là kết.

Nói về phương tiện thiện xảo. Trước là nêu chung, nêu. Sau, gạn riêng, giải thích.

Đã nói là hai thứ trong, ngoài khác nhau, thì đâu được bên trong có nghĩa thành tựu chúng sinh, bên ngoài có nghĩa tự thành?

Nghĩa là “Ở bên trong dù nói là chúng sinh bên ngoài, nhưng vì ý lấy tâm của Bồ-tát, nên nói là bên trong. Về nghĩa ngoài, ở hữu tình, không tồn tại tự thành thực nội tại.”

Trong giải thích về sáu thứ bên ngoài, trước là gạn, chia thành sáu thứ. Sau, là giải thích theo thứ lớp, trong đó:

- 1) Giải tích riêng hai thứ trước.



2) Giải thích chung bốn thứ sau.

a) Một tháng không ăn là chấp của ngoại đạo

b) Từ đỉnh núi cao nhảy xuống vực thẳm, nhảy vào lửa, là chấp của phái Ni-kiền Tử.

c) Chú Phệ-Đà-Ca của Bà-la-môn. Hán dịch là Minh Chú.

d) Rốt ráo tịnh, nghĩa là tịnh của xuất thế vô lậu.

Trong giải thích bốn thứ sau:

1) Đặt ra bốn câu hỏi

2) Giải thích

3) Tổng kết.

Trong giải thích, chia ra sáu chương môn. Sau là giải thích theo thứ lớp.

Trong giải thích về phương tiện ban đầu, rằng, các Bồ-tát cho đến “Lại đối với thu nhập, “duyên” khắp tất cả môn Tam-ma-địa, có thể vì thuận theo v.v...” trở lại, nói về thuận theo.

Dưới đây, nói về sự hội thông: Thuận theo, là thuận với người kia. Hội thông là giải thích thuyết của kinh cho rõ ràng thông suốt.

Thuận theo người kia sinh vui, ưa vì phương tiện duyên khắp. Trong thuận theo, trước là ái ngữ, tức là lời nói tốt đẹp.

Kế là, bố thí, cũng lại hiện hạnh thí cho gần, thuận theo chuyển v.v...

Thí cho gần, thuận theo chuyển, nghĩa là tùy khởi sự thí cho mà dẫn dắt gần, hoặc thí cho gần, tức là thực hành sự thí nhiếp mà gần gũi họ.

Tùy chuyển, tức là Đồng sự nhiếp sự. Do bố thí tài vật sự đồng bạn, diệt trừ Nhuế v.v... đã sinh.

“Sinh yêu kính...” trở xuống, là nói về Lợi hạnh.

“Vì hiện thân thông ký hiển thuyết v.v... tức là ba luân.”

“Lại, đối với thu nhập, “duyên” khắp tất cả môn Tam-ma-địa, để vì thuận theo truyền trao, răn dạy v.v... nghĩa là có Tam-ma-địa, có thể “duyên” khắp tất cả, thì định là chỗ nương tựa của trí Nhất thiết chủng.”

Nếu có thu nhập, nghĩa là vì thuận theo người kia nên mới truyền trao, răn dạy, là đại ý trong đây.

Trong hội thông, rằng vì người kia nói là kinh này không nói tất cả các pháp đều không có gì chỉ nói các pháp mà nói tự tánh đều đã có v.v... nghĩa là không nói hai tánh y tha v.v... đều là không. Nhưng vẫn nói tự tánh mà Biến kế nói là không có. Dù có tất cả sự đã nói, vì dựa

vào y tha kia, nên chuyển biến các ngôn thuyết, nhưng điều mà y tha nói có thể nói là tự tánh, y cứ Đệ nhất nghĩa thì chẳng phải là tự tánh v.v... Nghĩa là dù có sự mà y tha v.v... đã nói, nhưng nếu dựa vào sự này Khởi lên ngôn thuyết của Biến kế thì như tự tánh mà ngôn thuyết này đã nói, cũng như sừng thỏ, nên y cứ ở Đệ nhất nghĩa, chứ chẳng phải như tự tánh mà Biến kế sở chấp đã nói. Nói không có sự, tức là không có sự biến kế, chứ chẳng phải không có y tha. Ví dụ như hư không, có rất nhiều sắc. Nghiệp của sắc có thể dung nạp tất cả các sắc.

Nghiệp sắc v.v... Ở đây dụ cho Chân như như hư không, Biến kế chấp như sắc v.v... Như dưới đây, chỉ trừ bỏ nghiệp sắc của các tợ sắc Biến kế, mà chứng tánh tợ không của Chân như. Lại Bi như huyền, mộng, như hiển hiện, như thật là có v.v...

Trên đây, nói về tợ không dụ cho Chân như, tợ Biến kế cho nghiệp sắc.

Dưới đây là dụ y tha như huyền v.v... Như chấp Biến kế là chẳng thật có, như chấp con người là thật v.v... Giả tưởng tợ kia là không vô tức y tha.

“Các pháp như thế, như ngôn thuyết, tập quán của kẻ ngu v.v...” trở xuống, là tổng kết, trên đây, nói về y tha, Viên thành là “có”, Biến kế chấp là “không”.

“Y cứ ở tự tánh ly ngôn của Thắng nghĩa, hai tánh này chẳng phải không có cái có tồn tại hai tánh. Do phương tiện này, ngộ nhập đạo lý: Tất cả pháp chẳng phải có, chẳng phải không, cũng như huyền, mộng tánh của chúng không hai.”

Đây là kết ba tánh trên. Nói Biến kế cũng chẳng phải có, chẳng phải không. Chẳng phải đồng với sừng thỏ, chẳng phải không có vọng tình. Y tha cũng thế, chẳng phải có, như Biến kế, chẳng phải không có giả mộng. Viên thành cũng thế, chẳng phải có, đồng với Biến kế, chẳng phải không có cái có của Thắng nghĩa.

Không lấy phần nhỏ, không bỏ phần ít v.v... nghĩa là không chấp Biến kế, không bỏ y tha chân thật, không tạo ra tổn giảm, nghĩa là biết hai tánh là có. Không tạo ra tăng ích, nghĩa là biết Biến kế chấp không có. Cho nên, đạo lý này không có sự mất mát, hư hoại.

Mười dụng cụ nuôi dưỡng thân. Tương truyền rằng “Ruộng, nhà v.v... như dưới đây dùng làm mười thứ.” Thuyết này không đúng. Nay, dựa trong rất ráo thiện xảo, văn của ý thức Tương ứng Địa,

- 1) Hỏi.
- 2) Giải thích.

3) Kết.

4) Giải thích riêng về nghĩa rốt ráo thanh tịnh.

Trong giải thích thứ hai, nói về tám tướng. Trong văn không đầy đủ, đây đủ, nên nói là:

1) Trụ ở cõi trời Đô-Sử-Đa

2) Hạ sinh, nhập thai.

3) Trụ thai.

4) Sơ sinh.

5) Xuất gia.

6) Thành đạo.

7) Xoay bánh xe Pháp luân.

8) Đại bát Niết-bàn.

Trong văn thiếu bốn việc, thêm một khổ hạnh. Lại, dùng Phật nhãn quán sát thế gian, chỗ để cho hữu tình sinh ra sự chê bai rằng: “chỉ do Phạm Vương đích thân tự đến thỉnh Phật. Vì kính Phạm vương, nên Phật mới giảng nói chánh pháp, chứ chẳng phải đối với hữu tình, Đức Phật tự Khởi tâm Bi v.v...”

Pháp sư Thái nói “Vì phá tan một loại hữu tình chấp v.v... nên Đức Thế tôn ở dưới cội Bồ-đề, Phạm Vương đến thỉnh đầu tiên, không là vì nói. Ngài dùng Phật nhãn quán năm anh em Câu-Lân v.v... vì có căn cơ, nên về sau, khi đến vườn Nai mới nói pháp.”

Tổng kết “hoặc lược, rộng, nghĩa là có người giải thích “Y cứ giải thích riêng, có sáu, hoặc sơ lược, hoặc rộng. Thuận theo phải Khế hợp với rốt ráo có ba là rộng, ba tướng còn lại gọi là lược, nên nói thế.

Giải thích về bốn Đà-la-ni, trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp có bốn:

1) Nêu số, nêu danh

2) Gạn hỏi, giải thích riêng

3) Y cứ ở Địa vị để phân biệt

4) Nói về sự khác nhau của nhân.

Luận sư Cảnh nói “Ba trì “Pháp, nghĩa, chú dùng trí Như lượng làm tánh. Nhẫn trì dùng chung, theo pháp số phát ra Thế thì hai trí pháp, nghĩa thì dùng Niệm, Tuệ làm tánh, một thứ chú trì dùng định tự tại làm tánh. Dùng năng lực thiền định để gia bị Văn, câu các chú, khiến cho có thần nghiệm.”

Nhẫn trì, tức dùng trí tuệ làm tánh, tức là dùng Pháp, Tư, tánh, giải, Nhẫn làm tánh. Pháp sư Khuy Cơ nói “Người được Nhẫn Đà-la-ni, dùng trí Vô phân biệt làm Thế Nhẫn, tức chứng Chân như, có thể được

Nhẫn. Ở đây, vì trí, chứng Chân như. Cho nên, đoạn văn dưới đây, ở hạnh Địa Thắng giải, trong giải thích thứ tư, đầu tiên nói “Thành thực tuệ mầu nhiệm, nghĩa là phát ra Thể (thể xuất ly).

“Một mình ở nơi trống trải, nhàn tản” trở xuống, là nói về phương tiện.

“Đối với thuyết Phật nói...” trở xuống, là nói rộng về tu tướng. Pháp sư Khuy Cơ nói “Nói thành tựu tự nhiên bốn nhân hạnh của bậc Hiền, nghĩa là ở Địa tiền, người đầy đủ Tuệ mầu nhiệm, tức thành tựu thu hưởng tuệ mầu nhiệm xuất thế, hoặc đã đầy đủ tuệ mầu nhiệm trong nhân hạnh bất động.

Nói “một mình ở nơi trống trải nhàn tản.” Pháp sư Thái nói “Chỗ trống, vắng, con đường mất đi qua, vì không có vật nào để xem, nên gọi là trống không, chẳng có vật, thấy đường mà đi.”

Luận sư Cảnh nói “Không cất giữ tiền bạc, “duyên” thấy đường mà đi. Ban đêm không qua chỗ khác, đợi sáng hôm sau, mới tới.” Nói rộng về tu tướng có ba:

1) Nêu chú không có nghĩa. Lời là cảnh tư duy.

2) Ngay nơi câu chú, chính khởi tư duy.

3) Do tư duy, thành tựu nghĩa lợi vượt hơn của Nhẫn, lời chú có hai:

1) Có nghĩa.

2) Không có nghĩa, tức nêu chú không có nghĩa, lời tư duy quán sát. So sánh biết tất cả tùy tự tánh của lời nói đều không thật có. Do tánh tư duy này được thành tựu Nhẫn Đà-la-ni này.

Văn thứ hai nói “Tức là đối với chương, cú nghĩa v.v... của chú như thế.” Luận sư Cảnh nói “dựa vào câu chú không có nghĩa, chính khởi tư duy, so sánh biết tất cả tánh của ngôn thuyết đều không thật có, gọi là thông đạt.”

“Nói “Biết rõ các chú như thế...” trở xuống, là nói lại sự thông suốt kéo dài thành câu, nghĩa là biết rõ về chương, câu các chú như thế, đều không có nghĩa, là Viên Thành thật, chỉ không có nghĩa, biết rõ như thật câu của chương này, gọi là không có nghĩa.

Cho nên, ngoài văn chú này, không có nghĩa nào khác để tìm cầu. Pháp sư Cơ nói “chú này không có nghĩa, chỉ duy có tánh, nghĩa là Bồ-tát Địa tiền tụng chú không có nghĩa này, thân trừ kế chấp. Ở đây, chỉ có danh, chỗ nào có nghĩa? cho nên biết rằng, các pháp chỉ có chấp danh giả dối, không có chấp nghĩa như thật, do đó, không nên dựa vào danh sinh ra chấp.

Do tư duy này, nên có thể nhập Chân quán, chứng Bồ-tát nhãn.

Luận sư Bị nói “Câu chú chính là giải thích về y tha, Viên thành, vì ly ngôn vô sinh. Bồ-tát tư duy để, tự nhiên được hiểu Vô sinh Pháp nhãn.”

Luận rằng “Không có nghĩa, đại ý ở đây. Trong pháp, nghĩa thành, mà không quyết định, nghĩa là do có sự ngộ nhận. Cũng không trụ vững chắc, là do có lui sụt, cũng không rộng lớn, vì trì có giới hạn, chứ chẳng phải như Vô biên.”

Giải thích về đối tượng tu chánh nguyện. Trước là hỏi, sau là đáp.

Nói về thể tánh của nguyện, các Luận sư không đồng quan điểm.

Có Luận sư xưa, dựa vào Thành thật, lấy Nhãn làm Thể.

Luận sư Bị nói “Lấy trí làm tánh”, nên luận này nói “Trí ở sau, vì mong cầu về sau.”

Ngài Tam Tạng nói “Trên tư duy, muốn, tin tưởng, mà giả lập nguyện.”

Luận sư Cảnh nói “Dùng Thắng, giải, dục, tư, tín làm Thể.”

Trong phần đáp, thì nói về năm nguyện. Phát tâm nguyện, theo Luận Đối Pháp, thì phát tâm có hai: 1) Chung. 2) Riêng. Nay, Sơ phát tâm này tức là chung.

Trong Thọ sinh nguyện nói “Thuận theo lợi ích hữu tình trong các đường lành.”

Hỏi “Vì sao trong đây không nói thuận theo sinh trong các đường ác?”

Pháp sư Khuy Cơ giải thích “có hai ý:

1) Nghĩa là vì lợi của đường lành thì nhiều, lợi của đường ác ít, nên lược qua không nói đến.

2) Thuận với tám tướng, vì chỉ ở đường lành. Hơn nữa, đường ác không có tự tại, vì bị vua v.v... giáo hóa.

Lại, khi nói về đường lành, ý chứng tỏ đọa đường ác, từ chỗ vượt hơn mà nói, nên chỉ nói về đường lành.

Trong chánh nguyện nói “hoặc chung, hoặc riêng”, có giải thích rằng: “Cầu chung các đức, gọi là chung. Cầu riêng giới, định v.v... gọi là riêng.”

Đại nguyện thứ năm xuất phát từ Chánh nguyện. Đại nguyện khác nhau, có mười thứ. Kinh Án Địa nói có mười nguyện, đồng với nghĩa Đại của Luận này. Kinh ấy nói:

- 1) Cúng dường nguyện.
- 2) Nguyện Thọ trì chánh pháp.
- 3) Nguyện Nhiếp pháp thượng thủ.
- 4) Nguyện Tăng trưởng chúng sinh tâm hạnh.
- 5) Nguyện Giáo hóa chúng sinh.
- 6) Nguyện Biết thế giới.
- 7) Nguyện Tịnh Phật quốc độ.

Địa luận giải thích “Tướng của Tịnh Phật quốc độ có bảy thứ:

- 1) Tướng đồng.
- 2) Tự tại tịnh.
- 3) Trang Nghiêm tịnh.
- 4) Thọ dụng tịnh.
- 5) Trú xứ chúng sinh tịnh.
- 6) Nhân tịnh.
- 7) Quả tịnh, (như luận kia giải thích rộng)

Nghiệp thứ tám (Địa kinh): Được tất cả Bồ-tát đồng tâm, đồng hạnh, cùng góp chung căn lành, vì không có oán ghét, ganh tị, tất cả Bồ-tát đồng quán.

Nguyện ba nghiệp không cùng tận.

Nguyện thành Bồ-đề.

Nói về ba môn giải thoát, gồm có:

- 1) Nói về ba tướng.
- 2) Nói về Kiến lập.
- 3) Kết khuyên tu học.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói “Đây là nói ba Tam-ma-địa không chung của Đại thừa, dùng nghĩa nhất thể của số tịnh tương ứng với Trí vô phân biệt, để nói. Dưới đây, y cứ mười sáu hạnh, để nói về ba Tam-ma-địa chung với Nhị thừa. Pháp sư Khuy Cơ nói “Ý “không” trong đây, nếu tướng Kiến đạo, thì chỉ có hai Hạnh khổ dưới. Ý của văn Vô nguyện, do có diệt hẳn, lời nói vắng lặng chỉ diệt bốn hạnh dưới. Nếu y cứ ở chỗ khác, thì văn có nhiều khác nhau. Một văn như trước. Lại, Vô nguyện đều gồm sáu bốn hạnh dưới của Đạo. Hạnh còn lại như trước. Có văn không có bốn hạnh dưới của Đạo gồm sáu. Vô nguyện thì không như thế, hạnh còn lại như trước nói.

Có văn nói ba Đế như giải thích đầu tiên ở trước. Bốn hạnh dưới của Đạo, thuộc chung ba môn giải thoát. Như Luận Hiển Dương quyển hai nói “Có nghĩa “không” hạnh, nếu y cứ ở dứt “hoặc”, thì chung cho cả bốn Đế, ngoài ra, rất dễ hiểu.

Lại, ý của văn luận trong đây là ở phần nghĩa dụng trong Chân quán, lập ra ba môn giải thoát này. Nếu dứt “hoặc” chỉ là hạnh “không”, nếu cùng lúc thì cũng có nghĩa của Vô nguyện, Vô tướng, thì ý của văn trong Vô nguyện sẽ có lời nói phiền não v.v... vì chỉ gom góp hai hạnh khổ của bốn hạnh, theo môn tăng, giảm ở dưới, đều ở hữu vi mà lập Vô nguyện. Vô nguyện chung cho cả ba Đế.

Lại, đây là nói chung, nếu ý trong đây nói như trước, thì Kiến lập trong ba rằng “Ngã và ngã sở gọi là chẳng thật có.” Luận Địa Trì chép “Không có ngã, ngã sở, gọi là không có.”

Trong kết khuyến học, Pháp sư Khuy Cơ nói “Như thế, cho đến tinh tấn, siêng năng tu học”, đây là khuyến học.

Đối với, Kiến lập này biết rõ như thật, nghĩa là kết trước, chính là nói ba môn giải thoát trước. Lại, kết nghĩa không tăng, giảm, đối với hành tướng khác, ba Tam-ma-địa như thật ngộ nhập, nghĩa là do biết rõ môn giải thoát đã nói này đối với hành tướng khác, như thật ngộ nhập, đều có thể giải thoát.

An lập lý thú, như thật ngộ nhập, tức là đầu tiên, ngộ nhập ba giải thoát môn chân thật.

Tu tập lý thú như thật biết rõ, nghĩa là khuyến tu tập pháp Tam- ma-địa.

Dưới đây, là giải thích lại “ở trong đó, các chúng Thanh văn tinh tấn, siêng năng tu học, tức là học, hạnh. Và chúng Viên mãn, tức ngộ nhập”. Lại, giải thích riêng về tư duy, rất dễ hiểu.

Nay, giải thích: “Bồ-tát Như thế, cho đến tu học”, là kết chính nói về tướng của ba môn giải thoát trước.

Ở đây, Kiến lập biết rõ như thật, nghĩa là kết môn Kiến lập của văn kế là ở trước.

Đối với ba Tam-ma-địa của hành tướng còn lại thì ngộ nhập như thật, nghĩa là nêu kiến lập này so với kiến lập hành tướng khác đồng với giải thích của Pháp sư Khuy Cơ.

